

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH MINH GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BINH MINH GROUP .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107743103

3. Ngày thành lập: 01/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11A, phố Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
2.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
5.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
7.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (không bao gồm vận tải hành khách viễn dương)	5011
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
9.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
10.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
12.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
14.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
15.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
16.	Bốc xếp hàng hóa	5224

17.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
20.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng gồm khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; địa chất thủy văn; - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình gồm: thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình; thiết kế điện - cơ điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế thông gió-cấp thoát nhiệt; thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng gồm: giám sát công tác xây dựng công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ;	7110
23.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
24.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
27.	Hoạt động chiếu phim	5914
28.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
29.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
30.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Xây dựng công trình công ích	4220
35.	Bán mô tô, xe máy	4541
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
37.	Điều hành tua du lịch	7912
38.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329

39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.	8299
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
42.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
43.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; - Dịch vụ bơm và tháo nước theo khế ước hoặc hợp đồng; - Hoạt động khoan thử và đào thử.	0990
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
48.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
49.	Quảng cáo	7310
50.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
51.	Khai thác quặng sắt	0710
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Phá dỡ	4311
54.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
55.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
63.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (không bao gồm vận tải hàng hóa viễn dương)	5012
64.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
65.	Khai thác dầu thô	0610
66.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAM HOÀNG LONG	Số 32 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	28,000	012425612	
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	28,000		
2	TRẦN NGỌC HÀ	Số 36, ngõ 89C Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	36,000	010181008	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	36,000		
3	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Số 97 Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	36,000	011728513	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	36,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN NGỌC HÀ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *21/09/1961*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *010181008*

Ngày cấp: *25/06/2012*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 36, ngõ 89C Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 188/16 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội